TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:50/2022/HSST
Ngày: 20-6-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Văn Vân
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Ông Lâm Cường Thịnh

- Thư ký phiên toà: Ông Hồ Phương Tâm – Thư ký Toà ánnhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Phước Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2022/HSSTngày 29 tháng 4 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/HSST-QĐ ngày 03/6/2022 đối vớicác bị cáo:

1. Lê Quang Q, sinh năm 1990 tại Nghệ An; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: ấp 4, xã Tân T, thành phố Đồng X, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm Rẫy; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn H và bà Lê Thị D (đã chết); tiền sự: 01 theo Quyết định số 01 ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 24 tháng; Q chưa chấp hành quyết định. Nhân thân: Tại Bản án số 51 ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài), tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Tại Bản án số 29 ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài), tỉnh Bình Phước xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 58 tháng 06 ngày về tội

Cố ý gây thương tích, quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Tại Quyết định số 45 ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài (thành phố Đồng Xoài) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 18 tháng. Tiền án: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2022 cho đến nay.

2. Lê Thành T, sinh năm 1988 tại Bình Dương; Tên gọi khác: Tý; Nơi đăng hộ khẩu: ấp 1A, xã Phước H, huyện Phú g, tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú bị bắt: Tổ 1, ấp 6, xã Minh T, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Lê Văn H và bà Lê Kim V; con có 01người sinh năm: 2016, tiền sự, tiền án: không. Nhân thân: Tại Quyết định số 11 ngày 08 tháng 3 năm 2005 của UBND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đưa vào Trường giáo dưỡng trong thời gian 24 tháng; Tại Bản án hình sự số 51 ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2022 cho đến nay.

3. Trương Thị K, sinh năm 1986 tại Đồng Tháp; Tên gọi khác: không; Nơi đăng hộ khẩu: Tổ 3, ấp 5, xã Minh L, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước. Nơi cư trú bị bắt: ấp Thanh K, xã Thanh L, thị xã Bình L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa:1/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trương Văn Đ (đã chết) và bà Phạm Thị B; con c01 03 người lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền sự không; nhân thân: Ngày 29 tháng 9 năm 2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bình Long khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Ngày 08 tháng 02 năm 2022 bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bình Phước khởi tố bị can về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2022 cho đến nay.

Tất cả các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Thị Thảo L, sinh năm 2003; HKTT: Tổ 1, ấp 6, xã Minh Thắng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thành T (Tý) quen biết Lê Quang Q và Q quen biết Trương Thị K, tất cả đều sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, Q và T thống nhất cùng nhau tìm xe mô trộm cắp bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Do biết chị Nguyễn Thị Thảo L thường hay để xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter, màu sơn trắng - đen - đỏ biển kiểm soát: 93B1 – 196.02 (sau đây viết gọn là xe mô tô 93B1 – 196.02) tại sân nhà của T thuộc tổ 1, ấp 6, xã Minh Thắng, huyện Chơn Thành nên khoảng 01 giờ ngày 23 tháng 01 năm 2022, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Jupiter, màu đỏ, biển kiểm soát: 61U1 – 5028 chở Q đến vườn cao su cách nhà T khoảng 200m, T đi bộ về nhà lấy trộm xe mô tô 93B1 – 196.02 rồi dẫn xe theo đường phía sau nhà đến vườn cao su đưa cho Q. Q điều khiển xe mô tô 93B1 – 196.02 đến huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nhờ Trương Thị K tìm nơi tiêu thụ. K biết rõ xe mô tô 93B1 – 196.02 là tài sản do Q trộm cắp mà có nhưng giới thiệu cho Nghĩa (chưa xác định được lý lịch) mua xe mô tô 93B1 – 196.02 với số tiền 9.000.000 đồng, Q cho K 2.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 06 ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chơn Thành xác định: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 93B1-196.02 của chị Nguyễn Thị Thảo L giá trị sử dụng còn lại là 25.000.000 đồng.

Việc thu giữ, giải quyết tài sản, vật chứng:

- Xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ - đen - trắng, biển kiểm soát: 93B1 - 196.02 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thảo L nên Cơ quan điều tra trả lại cho chị L;

- Xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 61U1 - 5028 mà Lê Thành T chở Lê Quang Q để đi lấy trộm xe mô tô của chị L là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Xuân Đức cho T mượn để sử dụng; anh Đức không biết T sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra trả lại cho anh Đức;

- Số tiền 1.000.000 đồng của Trương Thị K giao nộp và 6.050.000 đồng của Lê Quang Q giao nộp; số tiền này K và Q có được từ việc bán xe mô tô của chị L nên cần tiếp tục bảo quản xử lý theo quy định.

Chị Nguyễn Thị Thảo L đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Bản cáo trạng số 44/Ctr-VKS ngày 28/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Lê Thành T, Lê Quang Q phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo Trương Thị K phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên Toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lê Quang Q, Lê Thành T phạm tội " Trộm cắp tài sản"; bị cáo Trương Thị K phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" .

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17,38,50,58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Quang Q mức án từ 24 tháng đến 30 tháng từ giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17,38,50,58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thành T mức án từ 24 tháng đến 30 tháng từ giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Thị K mức án từ 18 tháng đến 24 tháng từ giam.

Tại phiên tòa: các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận và kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cũng như phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, do muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo Q và T thống nhất cùng nhau tìm xe mô tô trộm cắp. Do biết chị Nguyễn Thị Thảo L thường hay để xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter, màu sơn trắng - đen - đỏ biển kiểm soát: 93B1 – 196.02 (sau đây viết gọn là xe mô tô 93B1 – 196.02) tại sân nhà của T thuộc tổ 1, ấp 6, xã Minh

Thắng, huyện Chơn Thành nên khoảng 01 giờ ngày 23 tháng 01 năm 2022, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Jupiter, màu đỏ, biển kiểm soát: 61U1 – 5028 chở Q đến vườn cao su cách nhà T khoảng 200m, T đi bộ về nhà lấy trộm xe mô tô 93B1 – 196.02 rồi dẫn xe theo đường phía sau nhà đến vườn cao su đưa cho Q. Q điều khiển xe mô tô 93B1 – 196.02 đến huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nhờ Trương Thị K tìm nơi tiêu thụ. K biết rõ xe mô tô 93B1 – 196.02 là tài sản do Q trộm cắp mà có nhưng giới thiệu cho Nghĩa (chưa xác định được lý lịch) mua xe mô tô 93B1 – 196.02 với số tiền 9.000.000 đồng, Q cho K 2.000.000 đồng.Do đó, hành vi của bị cáo Q, T đã đủ yếu tố cấu thành tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo K đã đủ yếu tố cấu thành tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có " theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khácđược pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo gây mất an ninh trật tự địa phương, vi phạm về đạo đức, lối sống. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Thời điểm phạm tộicác bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự;khi phạm tội các bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Do đó, bản Cáo trạng số 44/Ctr-VKS ngày 28/4/2022của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Q, T về tội "Trộm cắp tài sản" và bị cáo K tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có " là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội do đó cần phân tích vai trò của từng bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt cho phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4.1]Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Lê Quang Q, Lê Thành T: các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Trương Thị K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lao động chính của gia đình và nuôi con nhỏ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4.3].Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: đây là vụ án mà bị cáo Q, T đồng phạm trộm cắp tài sản còn bị cáo K là người môi giới trong việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Trong đó bị cáo Q, T là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo Q, T có nhân thân xấu, ngoài ra bị cáo Q bị xử lý hành chính về hành vi vi phạm pháp luật chưa chấp hành quyết địnhnên cần xử phạt bị cáo Q, T mức án nghiêm khắc hơn bị cáo khác và phải cách ly

các bị cáo Q, T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội. Đối với bị cáo Trương Thị K là biết tài sản mà bị cáo Q nhờ giới thiệu bán tài sản là tài sản do phạm tội mà có nhưng vì nể mà vẫn môi giới để bị cáo Q bán tài sản; bị cáo K có nhân thân xấu nên phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để răn đe giáo dục.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng"*. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu, người bị hại không yêu cầu gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 1.000.000 đồng của Trương Thị K giao nộp và 6.050.000 đồng của Lê Quang Q giao nộp; số tiền này K và Q có được từ việc bán xe mô tô của chị L nên cần tiếp tục bảo quản xử lý theo quy định.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Quang Q, Lê Thành T phạm tội"Trộm cắp tài sản".

Tuyên bố bị cáo Trương Thị K phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

2. Về hình phạt

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Quang Q 02(hai) năm tù giam, thời hạn tính từ ngày 24/01/2022.

2.2 Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thành T 02(hai) năm tù giam, thời hạn tính từ ngày 24/01/2022.

2.3 Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Thị K 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tính từ ngày 23/01/2022

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tiếp tục bảo quản số tiền 1.000.000đ(Một triệu đồng) của bị cáo Trương Thị K và 6.050.000đ (Sáu triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) của bị cáo Lê Quang Q đã giao nộp; số tiền này bị cáo K và bị cáo Q có được từ việc bán xe mô tô của chị L để xử lý theo quy định.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKSND tỉnh Bình Phước*
- *VKSND huyện Chơn Thành;*
- *CCTHADS huyện Chơn Thành;*
- *CA huyện Chơn Thành;*
- *UBND nơi cư trú của bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Võ Văn Vân